

Rx Thuốc bán theo đơn

Để xa tầm tay trẻ em
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ

PHILDERMA

SĐK: VD-21157-14

◆ THÀNH PHẦN

Hoạt chất:

Tuýp 10g chứa: Betamethasone dipropionate.....6,4 mg
Clotrimazole100 mg
Gentamicin sulfate.....10 mg (hoạt lực)
Tuýp 20g chứa: Betamethasone dipropionate.....12,8 mg
Clotrimazole200 mg
Gentamicin sulfate.....20 mg (hoạt lực)

Tá dược: Chlorocresol, Cetostearyl alcohol, Vaseline, Paraffin lỏng, Polyoxyl 25 cetostearyl ether, Propylen glycol, Natri dihydro phosphat, Methyl paraben, Propyl paraben, Nước tinh khiết.

◆ DẠNG BẢO CHẾ: Kem bôi ngoài da

◆ DƯỢC LỰC HỌC

Hoạt chất của PHILDERMA là Betamethasone dipropionate, Clotrimazole và Gentamicin sulfate. PHILDERMA kết hợp giữa hoạt tính kháng viêm mạnh của Betamethasone, tính kháng nấm phổ rộng của Clotrimazole và tính kháng khuẩn phổ rộng của Gentamicin sulfate.

Betamethasone dipropionate là một corticosteroid tổng hợp, có tác dụng chống viêm và chống dị ứng. Clotrimazole là thuốc chống nấm phổ rộng được dùng điều trị các trường hợp bệnh ngoài da do nhiễm các loài nấm gây bệnh khác nhau. Cơ chế tác dụng của clotrimazole là liên kết với các phospholipid trong màng tế bào nấm, làm thay đổi tính thấm của màng, gây mất các chất thiết yếu nội bào dẫn đến tiêu hủy tế bào nấm. Gentamicin sulfate là một kháng sinh thuộc nhóm aminoglycosid có tác dụng diệt khuẩn qua ức chế quá trình sinh tổng hợp protein của vi khuẩn. Gentamicin đạt hiệu quả cao khi dùng tại chỗ để điều trị các nhiễm trùng da tiền phát hoặc thứ phát.

◆ DƯỢC ĐỘNG HỌC

- Betamethasone dễ được hấp thu khi dùng tại chỗ. Khi bôi, đặc biệt nếu băng kín hoặc khi da bị rách hoặc khi thụt trực tràng, có thể có một lượng betamethasone được hấp thu vào hệ tuần hoàn.
- Clotrimazole và gentamicin rất ít được hấp thu khi dùng ở dạng chế phẩm bôi trên da.

◆ CHỈ ĐỊNH

- Những bệnh lý ở da do dị ứng như: chàm, viêm da do tiếp xúc, viêm da dị ứng, hăm da, viêm da tróc vảy, viêm da do tiếp xúc ánh sáng mặt trời, bệnh vẩy nến, ngứa.
- Viêm da do bội nhiễm.
- Bệnh nấm da: bệnh nấm da chân, bệnh nấm da thân, bệnh nấm da đầu, bệnh nấm da đùi.

◆ LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Thoa thuốc lên vùng da bị bệnh và vùng xung quanh đó 2 đến 3 lần mỗi ngày. Để việc điều trị có hiệu quả, nên thoa thuốc đều đặn. Thời gian trị liệu phụ thuộc vào mức độ, vị trí của vùng da bệnh và sự đáp ứng của người bệnh. Tuy nhiên, nếu không có cải thiện lâm sàng sau bốn tuần thoa thuốc, nên xem lại chuẩn đoán.

◆ CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Không dùng thuốc này cho mắt.

◆ THẬN TRỌNG

- Không nên dùng thuốc diện rộng hoặc dùng thuốc thời gian

dài.

- Không nên dùng thuốc dưới dạng băng ép.
- Corticosteroid dùng tại chỗ để điều trị bệnh vẩy nến có thể gây hại cho người bệnh do phản ứng dội ngược, mà nguy cơ là xuất hiện vẩy nến mụn mủ, và thuốc sẽ gây ra độc tính tại chỗ và toàn thân cho người bệnh do chức năng bảo vệ của da bị suy giảm.
- Bất kỳ tác dụng ngoại ý nào được báo cáo xảy ra khi dùng corticoid toàn thân, bao gồm sự ức chế vỏ thượng thận, cũng có thể xảy ra với corticoid dùng tại chỗ, đặc biệt ở trẻ em và trẻ sơ sinh.
- Sự hấp thu toàn thân các corticoid hay gentamicin dùng tại chỗ sẽ gia tăng nếu điều trị trên một vùng da rộng hay nếu dùng phương pháp băng bịt kín. Nên tránh dùng gentamicin lên vết thương hở hay vùng da bị tổn thương. Nên chú ý cẩn thận trong những trường hợp như trên, đặc biệt ở trẻ em và trẻ sơ sinh.

- Sử dụng cho trẻ em:

So với người trưởng thành, bệnh nhi có thể nhạy cảm hơn với corticoid tại chỗ gây ức chế trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến thượng thận (HPA) và với tác dụng của corticoid ngoại sinh do khả năng hấp thu mạnh hơn vì tỷ lệ diện tích bề mặt cơ thể/thể trọng lớn. Sự ức chế trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến thượng thận, hội chứng Cushing, sự chậm tăng trưởng, chậm tăng cân, và tăng áp lực nội sọ đã được báo cáo xuất hiện ở trẻ em dùng corticoid tại chỗ. Các biểu hiện của suy thượng thận ở trẻ em bao gồm nồng độ cortisol trong huyết tương thấp và không đáp ứng với kích thích ACTH. Các biểu hiện của tăng áp lực nội sọ bao gồm phồng thóp, nhức đầu và phù gai thị hai bên.

◆ SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Chỉ dùng thuốc này cho phụ nữ có thai khi lợi ích của việc điều trị được đặt lên trên các nguy cơ có thể xảy ra đối với bào thai, do chưa có đủ bằng chứng về độ an toàn của thuốc đối với phụ nữ có thai.

◆ ẢNH HƯỞNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không ảnh hưởng

◆ TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các tác dụng không mong muốn sau có thể xảy ra khi dùng thuốc: cảm giác bỏng rát, ngứa, rất sần, phù, bội nhiễm, ban đỏ, mụn nước, bong da, nổi mề đay và kích ứng da.

* **Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.**

◆ QUÁ LIỀU

Chưa có báo cáo về sử dụng thuốc quá liều.

◆ BẢO QUẢN: Bảo quản trong hộp kín, ở nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

◆ HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

* **Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.**

◆ ĐÓNG GÓI: Hộp 1 tuýp 10g Hộp 1 tuýp 20g.

Sản xuất theo nhượng quyền của:

DAEWON PHARM. CO., LTD., KOREA
Tại CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA
Số 25, Đường số 8, KCN Việt Nam-Singapore,
Thuận An, Bình Dương